

Số: 608/2017/QĐST- HNGĐ

Thái Nguyên, ngày 30 tháng 11 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 731/2017/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2017 giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Lan H, sinh năm 1985.

HKTT: SN A, tổ B, P. HVT, TP. TN, tỉnh Thái Nguyên

Tạm trú: SN C, ngõ D, đường LNQ, P. HVT, TP. TN, tỉnh Thái Nguyên

Bị đơn: Anh Vũ Huy H, sinh năm 1983

HKTT: SN A, tổ B, P. HVT, TP. TN, tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 54; 55; Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 11 năm 2017,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22/11/2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Lan H, sinh năm 1985.

HKTT: SN A, tổ B, P. HVT, TP. TN, tỉnh Thái Nguyên

Tạm trú: SN C, ngõ D, đường LNQ, P. HVT, TP. TN, tỉnh Thái Nguyên

Bị đơn: Anh Vũ Huy H, sinh năm 1983

HKTT: SN A, tổ B, P. HVT, TP. TN, tỉnh Thái Nguyên

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Lan H và anh Vũ Huy H nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Hai bên nhất trí thỏa thuận chị Trần Thị Lan H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Vũ Trần Nhật Q, sinh ngày 12/11/2012 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000đ/ tháng (Ba triệu đồng) cho đến khi cháu Quang đủ 18 tuổi. Anh H được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357; Khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

2.3. Về tài sản chung, công nợ chung: Hai bên tự thỏa thuận không đề nghị tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Chị H nhận nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên theo biên lai thu số 000 5667 ngày 31/10/2017.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án..

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Hà

